

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính

Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh ngày 01/01/1972 (có mặt).

Số căn cước công dân: , ngày 28/6/2021.

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh S, sinh ngày 01/01/1972 (có đơn xin vắng mặt)

Số căn cước công dân: , ngày 28/6/2021.

Nơi ĐKTT: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: ấp H, xã L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2024, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày: Bà và ông Trần Thanh S tổ chức lễ cưới và về sống chung với nhau từ khoảng năm 1992, có được 02 người con chung là Trần Trường A, sinh ngày 05/9/1999 và Trần Diệu H1, sinh ngày 06/3/1995. Giữa bà và ông S không làm thủ tục đăng ký kết hôn, không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đến nay bà và ông S không còn sống chung được

khoảng hai năm, mối quan hệ không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà với ông Trần Thanh S là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Thanh S vắng mặt, quá trình giải quyết có lời khai: Ông và bà H tự nguyện sống với nhau từ khoảng năm 1994, không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới ra mắt hai bên gia đình. Đến nay có được 02 người con chung là Trần Trường A, sinh ngày 05/9/1999 và Trần Diệu H1, sinh ngày 06/3/1995. Hiện bà H có tình cảm khác và đã sống với người đó nên giữa ông và bà H không thể hàn gắn lại với nhau, ông đồng ý không công nhận quan hệ giữa ông và bà H là vợ chồng, các con đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự chủ về kinh tế.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị tuyên không công nhận quan hệ giữa bà Ngô Thị H và ông Trần Thanh S là vợ chồng. Đối vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã V, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn có mặt và bị đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà H trình bày cho rằng giữa bà và ông Sơn S1 chung không đăng ký kết hôn, lời này phù hợp nội dung xác nhận tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 56/2024/UBND-XNTTHN ngày 08/7/2024 của UBND xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng về tình trạng hôn nhân của bà H là chưa đăng ký kết hôn với ai (b1 03) và nội dung xác minh về tình trạng hôn nhân của ông S không đăng ký hôn với ai (b1 32). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, mối quan hệ giữa bà H và ông S không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, tuyên không công nhận quan hệ giữa bà H và ông S là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, bà Ngô Thị H phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Ngô Thị H và ông Trần Thanh S là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008020 ngày 14/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà H đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai